

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 260/2026/DS-ST

Ngày: 29-5-2026

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng
Kiêm hợp đồng cầm cố tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Công Thành;
2. Ông Nguyễn Hoài Tâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 366/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng cầm cố tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 602/2026/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 549/2026/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K.

Địa chỉ: 4 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là phường R, tỉnh An Giang).

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M – Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: Bà Chế Thị Ú – Giám đốc

Địa chỉ: I, đường B, khu V, phường C, thành phố Cần Thơ (nay là phường Ô, TP .).

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Phương C – Quản lý cao cấp Khách hàng cá nhân kiêm quản lý cao cấp Khách hàng doanh nghiệp.

(Văn bản ủy quyền số 2562 – NHKL ngày 15/9/2025).

(Có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1974; Ông Đỗ Thanh T, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Khu V L, phường T, thành phố Cần Thơ. (Có đơn xin xét xử vắng

mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Đồng Minh T1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp T, phường Ô, thành phố Cần Thơ. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày có lời trình bày:

Ngày 08/02/2017 Ông Đồng Minh T1 được tiếp nhận làm cộng tác viên theo quyết định tiếp nhận số 405/QĐ-NHKL.

Ngày 08/02/2017, Ngân hàng TMCP K (gọi tắt K1) cùng ông Đồng Minh T1 ký kết Hợp đồng dịch vụ số 50/HĐDV-2017, đến ngày 08/02/2018 tiếp tục ký Hợp đồng dịch vụ số 37/HĐDV-2018.

Thời điểm gần nhất ngày 08/02/2020, Ngân hàng TMCP K (gọi tắt K1) cùng ông Đồng Minh T1 ký kết Hợp đồng dịch vụ số 43/HĐDV-2020 về việc tư vấn sản phẩm và giới thiệu khách hàng với nội dung:

"...Cộng tác viên thực hiện cung ứng dịch vụ cho K1 như sau:

a. Giới thiệu và tư vấn các sản phẩm cho vay theo quy định của K1 trong từng thời kỳ cho khách hàng có nhu cầu vay vốn tại K1.

b. Giới thiệu khách hàng và hỗ trợ thẩm định tín dụng và có nhu cầu vay vốn cho K1 và các Đơn vị trực thuộc..."

Phí dịch vụ cho hợp đồng này là: Theo quy định K1.

Theo đó Ông Đồng Minh T1 là người tìm khách hàng vay vốn, trực tiếp thẩm định và đề xuất cho vay đồng thời cũng là người thu nợ đối với các hồ sơ mà Ông T1 đề xuất cho vay và nộp lại tiền cho ngân hàng mỗi ngày. Ông T1 sẽ được nhận một khoản tiền là phí dịch vụ trên số tiền thu được từ các khoản vay trả góp (phí dịch vụ được tính theo quy định của K1 dựa trên từng hồ sơ).

Bên cạnh đó, ông Đồng Minh T1 còn cam kết dùng tài sản của mình để bảo đảm cho các hợp đồng tín dụng do ông Đồng Minh T1 thẩm định và đề xuất cho vay. Trong đó, nghĩa vụ được bảo đảm gồm có:

“- Nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, tiền phạt và các khoản phí khác theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng với Bên vay mà Bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng;

- Nghĩa vụ thanh toán, nộp cho Ngân hàng các khoản tiền mà Đồng Minh T1 thu được từ Bên vay nhưng không thanh toán, nộp cho Ngân hàng.

- Trường hợp giá trị tài sản cầm cố không đủ thực hiện nghĩa vụ cầm cố thì Bên A có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ bằng tài sản khác.

- Các trường hợp khác mà ông Đồng Minh T1 không nộp tiền đúng hạn cho K1 – PGD Ô Môn hoặc theo các nội dung cam kết của ông Đồng Minh T1 phát sinh trước hoặc sau ngày giao kết hợp đồng”.

Nội dung và phạm vi bảo đảm nêu trên được thể hiện trong Hợp đồng cầm cố tài sản số 038/17/HĐCC-CTCG/0402-5893 ngày 14/02/2017 đã được ký kết giữa đại diện Ngân hàng

TMCP Kiên Long - PGD Ô Môn với ông Đồng Minh T1. Tài sản cầm cố là:

Thẻ TGTK có kỳ hạn, mệnh giá 400.000.000 đồng phát hành ngày 02/12/2016 do PGD Ô Môn phát hành, thuộc sở hữu của ông Đồng Minh T1.

Thực hiện các nội dung thỏa thuận nêu trên: Ông Đồng Minh T1 giới thiệu và thẩm định thủ tục xin cấp tín dụng của bà Nguyễn Thị M1 và ông Đỗ Thanh T, Ngân hàng TMCP K - PGD Ô Môn đồng ý cho bà Nguyễn Thị M1 và ông Đỗ Thanh T vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Việc vay vốn của bà Nguyễn Thị M1 và ông Đỗ Thanh T được thể hiện cụ thể trong Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A951284+A951348/HĐTD-CC ngày 20/12/2019 chi tiết như sau:

Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A951284+A951348/HĐTD-CC ngày 20/12/2019.

- Số tiền vay: 50.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng).

- Mục đích vay: Tiêu dùng.

- Thời hạn vay: 180 ngày

- Lãi suất vay: 16%/năm.

- Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn tương ứng với thời hạn chậm trả (tức là 24%/năm).

Tài sản bảo đảm: Xe YAMAHA SIRIUS, biển số 65E1-176.43.

Trong quá trình vay nợ, bà Nguyễn Thị M1 và ông Đỗ Thanh T đã trả được 29.068.766 đồng (trong đó gốc 26.942.720 đồng và lãi trong hạn 2.126.046 đồng. Ông T và bà M1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên số nợ chuyển sang quá hạn vào ngày 28/3/2020. Tính đến ngày 29/5/2026 số tiền ông T và bà M1 còn nợ là: 58.407.844 đồng (trong đó, gốc là: 23.057.280 đồng; tiền lãi trong hạn là: 1.819.194 đồng, lãi quá hạn là: 33.531.370 đồng). Nên, Ngân hàng TMCP K khởi kiện:

Buộc bà Nguyễn Thị M1 và ông Đỗ Thanh T thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 29/5/2026 là: 58.407.844 đồng. Trong đó, gốc là: 23.057.280 đồng; tiền lãi trong hạn là: 1.819.194 đồng, lãi quá hạn là: 33.531.370 đồng và tiền lãi phạt phát sinh kể từ ngày 25/01/2026 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố số A951284+A951348/HĐTD-CC ngày 20/12/2019.

Trường hợp bà Nguyễn Thị M1 và ông Đỗ Thanh T không trả được hoặc trả không đủ thì yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản là xe máy YAMAHA SIRIUS, biển số 65E1-176.43. Tại thời điểm Thi hành án bà Nguyễn Thị M1 và ông Đỗ Thanh T không hợp tác giao tài sản cầm cố hoặc Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền không xác minh được tài sản hoặc tài sản đã hư hỏng, thất thoát hoặc không còn giá trị sử dụng, hoặc đã phát mãi mà không thanh toán hết nợ thì ông Đồng Minh T1 có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ (nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn) mà bà Nguyễn Thị M1 và Ông Đỗ Thanh T chưa thực hiện xong theo hợp đồng bảo đảm đã ký kết với Ngân hàng TMCP K.

Theo bản tự khai ngày 14/4/2026, ông Đồng Minh T1 trình bày:

Ông Đồng Minh T1 là cộng tác viên của ngân hàng K chi nhánh Ô nhiệm vụ là làm hồ sơ cho khách hàng có nhu cầu vay vốn và thu tiền của khách hàng vay đó nộp cho ngân hàng. Việc thu tiền khách hàng nộp về cho ngân hàng của ông T1 là thu từng khách. Nhưng khi nộp tiền thì theo quy định của ngân hàng, toàn bộ số tiền thu được từ nhiều khách hàng khác nhau phải nộp chung vào một tài khoản vay mang tên của tôi là cộng tác viên Đồng Minh T1. Sau đó ngân hàng tự động phân bổ đều về từng khoản vay của khách hàng, ông T1 không được phép nộp riêng lẻ từng khoản vay khách hàng. Điều đó dẫn đến nếu có một số khách hàng không đóng hoặc đóng trễ thì hệ thống sẽ vẫn trừ nợ cho khách đó mỗi ngày bằng tiền trích từ những khách còn lại. Quy định bắt buộc nộp như vậy của Ngân hàng dẫn đến sai lệch số nợ thực tế không chỉ một mà là tất cả khách hàng trong danh sách của ông T1 quản lý.

Việc số tiền ông T1 nộp mỗi ngày được trừ đều vào dư nợ toàn bộ khách hàng trong danh sách khách hàng là do ngân hàng tự ý trích, ông T1 không đồng ý và cũng chưa có văn bản nào hay nội dung nộp tiền nào ông T1 xác nhận đồng ý nộp tiền trả đều cho tất cả các khách hàng trong danh sách. Nhưng theo quy định cộng tác viên phải nộp tiền mỗi ngày theo số tiền mà ngân hàng yêu cầu. Nếu cộng

tác viên không nộp hoặc nộp không đúng sẽ bị buộc thôi việc theo quy chế công tác viên.

Nay Ngân hàng K khởi kiện ông Đỗ Thanh T và bà Nguyễn Thị M1 yêu cầu thanh toán khoản vay theo Hợp đồng tín dụng kiêm cầm cố số A951284+A951348/HĐTD-CC ngày 20/12/2019 mà chưa yêu cầu công tác viên là T1 báo cáo hay xác minh số tiền thực thiếu của khách hàng còn nợ bao nhiêu. Điều đó dẫn đến số tiền nợ ngân hàng khởi kiện theo trên hệ thống của ngân hàng sai với dư nợ thực tế khách hàng còn thiếu. Ông T1 xác nhận ông Đỗ Thanh T và bà Nguyễn Thị M1 đã trả hết nợ cho ngân hàng K nhưng số tiền ông T1 nộp cho họ đã bị ngân hàng K tự động trừ đều qua cho các khách hàng khác trong danh sách dẫn đến ông Đỗ Thanh T và bà Nguyễn Thị M1 tuy đã trả hết nợ nhưng trên hệ thống ngân hàng vẫn ghi nhận còn nợ.

Do đó, ông Đồng Minh T1 yêu cầu tòa án xem xét bác yêu cầu khởi kiện của ngân hàng vì số nợ của khách hàng đã trả hết. Đảm bảo cho ông Đỗ Thanh T và bà Nguyễn Thị M1 cùng các khách hàng khác có trong danh sách ông T1 được phân công quản lý, đảm bảo số nợ ngân hàng thu là đúng người đúng số thực thiếu và không ảnh hưởng đến uy tín của cá nhân ông T1 đối với khách hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị M1, ông Đỗ Thanh T, ông Đồng Minh T1 vắng mặt, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Ngân hàng TMCP K (Ngân hàng K) khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị M1 và ông Đỗ Thanh T thanh toán dư nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A951284+A951348/HĐTD-CC ngày 20/12/2019. Đây là tranh chấp về “Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại phường T, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Nguyễn Thị M1 và ông Đỗ Thanh T và ông Đồng Minh T1 có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bà M1, ông T và ông T1 theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét thấy Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A951284+A951348/HĐTD-CC ngày 20/12/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP K với bà Nguyễn Thị M1 và ông Đỗ Thanh T trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật, lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Do đó, hợp đồng trên có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

Để đảm bảo cho khoản vay này thì giữa Ngân hàng TMCP K (Ngân hàng) với bà Nguyễn Thị M1 và ông Đỗ Thanh T có thỏa thuận Cầm cố tài sản là xe máy YAMAHA SIRIUS, biển số 65E1-176.43 thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị M1 theo hợp đồng Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A951284+A951348/HĐTD-CC ngày 20/12/2019. Bên cạnh đó, ông Đồng Minh T1 (là công tác viên của Ngân hàng có ký với Ngân hàng theo Hợp đồng dịch vụ 37/HĐDV – 2018 ngày 08/02/2018 và Hợp đồng dịch vụ 43/HĐDV – 2020 ngày 08/02/2020) có dùng tài sản của mình để đảm bảo cho các hợp đồng tín dụng do ông T1 thẩm định và đề xuất cho vay (trong đó có hợp đồng vay của ông Đỗ Thanh T và bà Nguyễn Thị M1), với tài sản là Thẻ TGTK có kỳ hạn, mệnh giá 400.000.000 đồng phát hành ngày 02/12/2016 do Phòng G phát hành, thuộc sở hữu của ông Đồng Minh T1 theo Hợp đồng cầm cố tài sản số 038/17/HĐCC-CTCG/0402-5893 ngày 14/02/2017. Các Hợp đồng này, được ký kết dựa trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, các hợp đồng trên có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

Trong quá trình vay nợ, bà Nguyễn Thị M1 và ông Đỗ Thanh T đã trả được 29.068.766 đồng (trong đó gốc 26.942.720 đồng và lãi trong hạn 2.126.046 đồng. Ông T và bà M1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên số nợ chuyển sang quá hạn vào ngày 28/3/2020. Tính đến ngày 29/5/2026 số tiền ông T và bà M1 còn nợ là: 58.407.844 đồng (trong đó, gốc là: 23.057.280 đồng; tiền lãi trong hạn là: 1.819.194 đồng, lãi quá hạn là: 33.531.370 đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng K đã cung cấp các tài liệu chứng cứ gồm bảng kê chi tiết nợ gốc và nợ lãi chưa thanh toán của bà M1 và ông T. Mặt dù, bà M1 và ông T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, cũng như không có gửi văn bản kèm tài liệu, chứng cứ để chứng minh quá trình trả nợ của mình. Bên cạnh đó, ông T1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh số

tiền bà M1 và ông T đã nộp thực tế cho khoản vay này, không xác định được thời điểm, số tiền đã nộp và không có tài liệu đối chiếu công nợ với Ngân hàng. Đồng thời, ông T1 cũng không có yêu cầu đối với Ngân hàng liên quan đến việc phân bổ tiền thu nợ. Vì vậy Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

Do đó, Ngân hàng K yêu cầu bà Nguyễn Thị M1 và ông Đỗ Thanh T trả số nợ tính đến ngày 29/5/2026 là: 58.407.844 đồng (trong đó, gốc là: 23.057.280 đồng; tiền lãi trong hạn là: 1.819.194 đồng, lãi quá hạn là: 33.531.370 đồng) cùng lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A951284+A951348/HĐTD-CC ngày 20/12/2019 đến khi bà M1 và ông T trả hết nợ là có cơ sở chấp nhận.

Tính từ ngày 30/5/2026 đến khi ông T và bà M1 trả hết nợ, thì ông T và bà M1 còn phải tiếp tục trả phần lãi suất phát sinh đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A951284+A951348/HĐTD-CC ngày 20/12/2019.

[4] Về xử lý tài sản bảo đảm:

Trường hợp bà Nguyễn Thị M1 và ông Đỗ Thanh T không trả được hoặc trả không đủ thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản xe máy biển số Xe YAMAHA SIRIUS, biển số 65E1-176.43 theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A951284+A951348/HĐTD-CC ngày 20/12/2019.

Theo Hợp đồng cầm cố tài sản số 038/17/HĐCC-CTCG/0402-5893 ngày 14/02/2017, ông Đồng Minh T1 dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của các khách hàng do ông giới thiệu, trong đó có khoản vay của bà M1 và ông T. Đây là biện pháp bảo đảm bằng tài sản theo quy định Bộ luật dân sự. Do đó, tại thời điểm thi hành án bà Nguyễn Thị M1 và ông Đỗ Thanh T không hợp tác giao tài sản cầm cố hoặc Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền không xác minh được tài sản hoặc tài sản đã hư hỏng, thất thoát hoặc không còn giá trị sử dụng, hoặc đã phát mãi mà không thanh toán hết nợ thì Ngân hàng K có quyền yêu cầu ông Đồng Minh T1 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ bảo đảm mà bà Nguyễn Thị M1 và ông Đỗ Thanh T chưa thực hiện xong theo Hợp đồng cầm cố tài sản số 038/17/HĐCC-CTCG/0402-5893 ngày 14/02/2017 đã ký.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải thanh toán (58.407.844 đồng x 5% = 2.921.000 đồng, tính tròn số) .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Các Điều 117, 119, 293, 309, 310, 311, 312, 315, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K đối với bị đơn Nguyễn Thị M1, Đỗ Thanh T.

Buộc bà Nguyễn Thị M1 và ông Đỗ Thanh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền nợ tính đến ngày 29/5/2026 là: 29/5/2026 là: 58.407.844 đồng (trong đó, gốc là: 23.057.280 đồng; tiền lãi trong hạn là: 1.819.194 đồng, lãi quá hạn là: 33.531.370 đồng).

Tính từ ngày 30/5/2026 đến khi ông T và bà M1 trả hết nợ, thì ông T và bà M1 còn phải tiếp tục trả phần lãi suất phát sinh đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A951284+A951348/HĐTD-CC ngày 20/12/2019.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị M1 và ông Đỗ Thanh T không trả được hoặc trả không đủ thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản là xe máy YAMAHA SIRIUS, biển số 65E1-176.43 theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A951284+A951348/HĐTD-CC ngày 20/12/2019.

Tại thời điểm Thi hành án bà Nguyễn Thị M1 và ông Đỗ Thanh T không hợp tác giao tài sản cầm cố hoặc Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền không xác minh được tài sản hoặc tài sản đã hư hỏng, thất thoát hoặc không còn giá trị sử dụng, hoặc đã phát mãi mà không thanh toán hết nợ thì Ngân hàng K có quyền yêu cầu ông Đồng Minh T1 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ bảo đảm mà bà Nguyễn Thị M1 và ông Đỗ Thanh T chưa thực hiện xong theo Hợp đồng cầm cố tài sản số 038/17/HĐCC-CTCG/0402-5893 ngày 14/02/2017 để thu hồi phần nghĩa vụ còn thiếu.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Đỗ Thanh T và Nguyễn Thị M1 P chịu 2.921.000 đồng. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K nhận lại 1.544.183 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008922 ngày 06/11/2025 và biên lai số 0005457 ngày 26/3/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Cần Thơ.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2022 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 2 - Cần Thơ;
- Phòng THA Khu vực 2 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quốc Kiệt